

Số: 49/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 7 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc cho ý kiến đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công  
nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 26**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ văn bản số 4488/BKHĐT-TH ngày 11/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025;*

*Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh là 5.381,902 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách địa phương cân đối dự kiến: 1.871,556 tỷ đồng, cụ thể:
  - Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí dự kiến: 613,556 tỷ đồng;
  - Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất dự kiến: 1.200 tỷ đồng;
  - Xổ số kiến thiết dự kiến: 58 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách Trung ương dự kiến 3.510,346 tỷ đồng, cụ thể:
  - Vốn trong nước dự kiến: 2.849,595 tỷ đồng, trong đó:
    - + Trung ương hỗ trợ mục tiêu: 2.466,728 tỷ đồng;
    - + Chương trình mục tiêu quốc gia: 382,867 tỷ đồng.
  - Vốn nước ngoài dự kiến: 660,751 tỷ đồng.

(Chi tiết tại các biểu 01, 02, 03, 04)

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025 phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao, khả năng thực hiện của các công trình, dự án và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- Lưu: VT, CT HĐND (L).

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Đăng Quang**



Biểu số 01

**ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VÀ  
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA ĐỊA PHƯƠNG**  
(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2024			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch 2025
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2024	Ước giải ngân cả năm		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.355.998</b>	<b>640.237</b>	<b>2.355.998</b>	<b>17.501.596</b>	<b>5.381.902</b>
		<b>2.355.998</b>	<b>640.237</b>	<b>2.355.998</b>	<b>17.501.596</b>	<b>5.381.902</b>
<b>A</b>	<b>Vốn NSNN</b>					
<b>I</b>	<b>Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>1.309.012</b>	<b>294.780</b>	<b>1.309.012</b>	<b>7.704.487</b>	<b>1.871.556</b>
1	Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí	410.812	144.780	410.812	2.232.900	613.556
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	800.000	140.000	800.000	5.140.000	1.200.000
3	Xổ số kiến thiết	45.000	10.000	45.000	223.987	58.000
4	Bội chi ngân sách địa phương (*)	53.200		53.200	107.600	
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>1.046.986</b>	<b>345.457</b>	<b>1.046.986</b>	<b>9.797.109</b>	<b>3.510.346</b>
1	Vốn trong nước	1.028.666	345.457	1.028.666	7.873.309	2.849.595
	Trong đó:					
-	Ngân sách trung ương hỗ trợ	660.001	207.457	660.001	6.338.168	2.466.728
+	NSTW hỗ trợ đầu tư giao đầu kỳ trung hạn	657.360	207.457	657.360	5.568.168	1.699.369
+	NSTW hỗ trợ đầu tư giao bổ sung trung hạn	2.641	0	2.641	770.000	767.359
-	Chương trình MTQG	368.665	138.000	368.665	1.535.141	382.867
+	Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	178.503	50.000	178.503	740.078	218.206
+	Chương trình giảm nghèo bền vững	92.292	40.000	92.292	362.173	66.741
+	Chương trình nông thôn mới	97.870	48.000	97.870	432.890	97.920
2	Vốn nước ngoài	18.320	0	18.320	1.923.800	660.751

(\*) Tính dự kiến kế hoạch 2025 tại Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2024, xây dựng dự toán NSNN năm 2025



Biểu số 02

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Năm 2024						KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Ước giải ngân cả năm 2024		Tổng số	Trong đó Kế hoạch 2021-2024	Tổng số	Trong đó		
			Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW						
															Tổng số	
<b>TỔNG SỐ</b>																
			7.342.235	4.863.591	500.214	451.641	134.844	130.344	500.214	451.641	4.434.540	1.917.227	2.554.304	2.466.728		
<b>I</b>	<b>DANH MỤC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM</b>		2.060.000	1.643.612	327.753	300.000	95.700	95.700	327.753	300.000	1.643.612	930.000	713.612	713.612		
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</i>															
1	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.060.000	1.643.612	327.753	300.000	95.700	95.700	327.753	300.000	1.643.612	930.000	713.612	713.612		
<b>II</b>	<b>ĐẦU TƯ THEO NGÀNH LĨNH VỰC (GIAO ĐẦU KỶ TRUNG HẠN)</b>		4.512.235	2.449.979	169.820	149.000	39.144	34.644	169.820	149.000	2.020.928	984.586	1.073.333	985.757		
	<i>Hoàn trả ứng trước ngân sách trung ương</i>															
1	Hoàn ứng thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và các xã khu vực II của các huyện nghèo thuộc Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP										15.466	0	15.466	15.466		
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025</i>															
1	Xóa phòng học tạm, phòng học mượn, cải tạo nâng cấp các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh và xây dựng Trường THPT Hướng Hóa	3707/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	130.000	130.000	10.000	10.000	1.933	1.933	10.000	10.000	130.000	70.970	58.696	58.696		
2	Bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng trọng điểm của tỉnh (hạng mục: Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn, Bảo tàng Thành Cổ, địa đạo Vịnh Mốc)	2960/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	101.250	101.250	15.000	15.000	628	628	15.000	15.000	101.250	34.500	66.600	66.600		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2024								KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Ước giải ngân cả năm 2024		Tổng số	Trong đó Kế hoạch 2021-2024	Tổng số	Trong đó NSTW		
			Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW						
															Tổng số	
3	Trồng, bảo vệ, phát triển rừng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị	2162/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	90.000	90.000	9.000	15.000	4.140	4.140	9.000	15.000	90.000	41.922	48.078	48.078		
4	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017, 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018, 1913/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.094.321	136.075	40.363	13.543	4.500	0	40.363	13.543	136.075	112.015	24.060	24.060		
5	Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị thị xã Quảng Trị	1206/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Tx Quảng Trị	140.000	120.000	8.000	8.000	6.500	6.500	8.000	8.000	120.000	62.757	57.243	57.243		
6	Đường kết nối trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng Khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái (giai đoạn 1)	5052/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của huyện V.Linh	110.000	82.500	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	82.500	70.000	12.500	12.500		
7	Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trọng điểm kinh tế của huyện Triệu Phong	2988/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của huyện TP	140.000	120.000	8.000	8.000	4.000	4.000	8.000	8.000	120.000	62.000	58.000	58.000		
8	Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trọng điểm kinh tế huyện Cam Lộ	2408/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện C.Lộ	140.000	120.000	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	120.000	92.500	27.500	27.500		
9	Cầu Cầu Nhi - Hải Tân, đường Thượng Xá - Trà Lộc (DH.50) và đường Thuận Đức - Lam Thủy - Phương Lang (DH.50a)	797/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện HL	140.000	110.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	110.000	95.188	14.812	14.812		
10	Nâng cấp đường 73 Đông (cũ), huyện Gio Linh	03/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của huyện GL	80.000	60.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	60.000	41.000	19.000	19.000		
11	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	6814/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của huyện HH	80.000	60.000	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	60.000	38.500	21.500	21.500		
12	Kè chống xói lở khẩn cấp các đoạn sông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	4246/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	95.000	95.000							95.000	91.518	3.482	3.482		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2024						KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2025		Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Ước giải ngân cả năm 2024		Tổng số	Trong đó Kế hoạch 2021-2024	Tổng số		Trong đó NSTW
			Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW					
13	Giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Cảng hàng không Quảng Trị	3289/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	233.103	233.103	50.000	50.000			50.000	50.000	233.103	50.000	183.103	183.103	
14	Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1	156/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 73/NQ-HĐND ngày 24/10/2023	89.689	40.649									88.566	40.649	
15	Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1	157/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 128/NQ-HĐND ngày 19/12/2023	175.000	34.534									74.193	34.534	
<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</b>															
1	Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời - Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị	3068/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	45.000	45.000	8.000	8.000	200	200	8.000	8.000	33.750	15.000	18.750	18.750	
2	Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2)	3080/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	268.868	268.868	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	130.000	48.000	82.000	82.000	
3	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị	4301/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 79/NQ-HĐND ngày 24/10/2023	935.004	178.000	3.457	3.457			3.457	3.457	178.000	32.716	20.000	20.000	
4	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh	3058/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	45.000	45.000	1.000	1.000	243	243	1.000	1.000	33.750	26.000	7.750	7.750	
<b>Các dự án khởi công mới năm 2025</b>															
1	Đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	21/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	45.000	45.000							37.500		37.500	37.500	
2	Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Trị và các cơ quan, giai đoạn 1	26/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	335.000	335.000							150.000	0	150.000	150.000	
III	<b>ĐẦU TƯ THEO NGÀNH LĨNH VỰC (GIAO BỎ SUNG TRUNG HẠN)</b>		<b>770.000</b>	<b>770.000</b>	<b>2.641</b>	<b>2.641</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.641</b>	<b>2.641</b>	<b>770.000</b>	<b>2.641</b>	<b>767.359</b>	<b>767.359</b>	
<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025</b>															

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2024						KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch 2025		Ghi chú		
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Ước giải ngân cả năm 2024		Tổng số	Trong đó Kế hoạch 2021-2024		Tổng số	Trong đó NSTW
			Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW					
1	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua khu vực cầu Cửa Tùng và Cửa Việt		600.000	600.000	2.641	2.641			2.641	2.641	600.000	2.641	597.359	597.359	
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2025</i>														
1	Khu di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm chiến đấu, bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị		90.000	90.000							90.000		90.000	90.000	
2	Công viên thống nhất tại khu di tích quốc gia đặc biệt đồi bờ Hiền Lương – Bến Hải, tỉnh Quảng Trị		80.000	80.000							80.000		80.000	80.000	



Biểu số 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025 (VỐN NƯỚC NGOÀI)

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2024						KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2025		Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Ước giải ngân cả năm 2024		Được giao	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NN nguồn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn nước ngoài nguồn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn nước ngoài nguồn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn nước ngoài nguồn NSTW		Kế hoạch đã giao 2021-2024			Vốn nước ngoài nguồn NSTW
<b>TỔNG SỐ</b>			2.540.552	1.456.022	40.363	11.320	4.500	0	40.363	11.320	433.469	102.946	769.223	660.751	
<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025</b>															
1	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (BIIG2)	998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 3632/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 1913/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.094.321	493.493	40.363,091	11.320,000	4.500	0	40.363,091	11.320,000	433.469	102.945,812	417.785	330.523	
<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</b>															
1	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	1.152.920	684.729									191.438	180.228	
2	Trung tâm Bảo trợ xã hội và Phục hồi chức năng cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	63/NQ-HĐND ngày 18/10/2022	293.311	277.800									160.000	150.000	





Biểu số 04

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025 VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung/Đơn vị	Dự kiến kế hoạch 2025	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>382.867</b>	
<b>I</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI</b>	<b>218.206</b>	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước SH	46.515	
2	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết	35.209	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc	86.261	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	0	
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	35.395	
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình	14.827	
<b>II</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG</b>	<b>66.741</b>	
1	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	51.347	
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	15.394	
<b>III</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>	<b>97.920</b>	
1	Hỗ trợ thực hiện các đề án (Hỗ trợ thực hiện chương trình phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2022-2025 theo QĐ số 1804/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)	18.451	
2	<b>Hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM</b>	<b>0</b>	
-	Huyện Hải Lăng	0	Đã bố trí đủ theo KH trung hạn
-	Huyện Triệu Phong	0	Đã bố trí đủ theo KH trung hạn
2	<b>Hỗ trợ các xã theo tiêu chí</b>	<b>79.469</b>	
a	<b>Các xã từ 15 đến 18 tiêu chí</b>	<b>18.750,9</b>	<b>7 xã</b>
-	Huyện Triệu Phong (03 xã)	8.036,1	Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu An
-	Huyện Hải Lăng (01 xã)	2.678,7	Hải Chánh

TT	Nội dung/Đơn vị	Dự kiến kế hoạch 2025	Ghi chú
-	Huyện Gio Linh (03 xã)	8.036,1	Gio Mai, Gio Châu, Hải Thái
<b>b</b>	<b>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</b>	<b>4.465,4</b>	<b>01 xã</b>
-	Huyện Đakrông (01 xã)	4.465,4	Ba Lòng
<b>c</b>	<b>Các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</b>	<b>56.252,7</b>	<b>63 xã</b>
-	Huyện Hướng Hóa (05 xã)	4.464,500	Tân Hợp, Tân Liên, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành
-	Huyện Đakrông (01 xã)	892,900	Triệu Nguyên
-	Huyện Triệu Phong (14 xã)	12.500,600	Triệu Đại, Triệu Thuận, Triệu Trạch, Triệu Thành, Triệu Giang, Triệu Phước, Triệu Sơn, Triệu Trung, Triệu Thượng, Triệu Tài, Triệu Ái, Triệu Hòa, Triệu Long, Triệu Độ
-	Huyện Vĩnh Linh (13 xã)	11.607,700	Kim Thạch, Vĩnh Thủy, Hiền Thành, Trung Nam, Vĩnh Lâm, Vĩnh Hòa, Vĩnh Tú, Vĩnh Sơn, Vĩnh Giang, Vĩnh Long, Vĩnh Chấp, Vĩnh Thái, Vĩnh Hà
-	Huyện Hải Lăng (12 xã)	10.714,800	Hải Quy, Hải Quế, Hải Định, Hải Sơn, Hải Phong, Hải Trường, Hải Ba, Hải Hưng, Hải Lâm, Hải Phú, Hải Thượng, Hải Dương
-	Huyện Gio Linh (10 xã)	8.929,000	Gio An, Phong Bình, Trung Sơn, Trung Hải, Gio Mỹ, Gio Quang, Linh Hải, Gio Sơn, Trung Giang, Gio Việt
-	Huyện Cam Lộ (07 xã)	6.250,300	Thanh An, Cam Thủy, Cam Hiếu, Cam Tuyên, Cam Thành, Cam Chính, Cam Nghĩa
-	Thị xã Quảng Trị (01 xã)	892,900	Hải Lệ